

Bản án số: 115/2025/ST-HNGĐ

Ngày 07 tháng 11 năm 2025

“V/v: Yêu cầu ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Huyền Sâm và bà Đặng Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2025/TLST – HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc: “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 20/10/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M – Sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Thôn T 10, xã V, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê M T – Sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Thôn 12 E, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2025 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị Nguyễn Thị M và anh Lê M T kết hôn với nhau vào năm 1999, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An – Nay là: Xã Vĩnh Tường, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2001 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê M

T; Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên toà, anh Lê M T vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê M T trình bày:*

Anh Lê M T kết hôn với chị Nguyễn Thị M vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã Vĩnh Tường, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2001 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên không ở chung với nhau cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, cách sống khác nhau, hiện tại không còn tình cảm với nhau, nay chị M làm đơn khởi kiện xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn; Về con chung: Không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T đồng ý TAND Khu vực 9 – Nghệ An giải quyết vụ án, không yêu cầu hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự. Xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Lê M T; Về con chung: Không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lê M T là bị đơn trong vụ án, cư trú tại Thôn 12 Ea Pawl, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, anh T và chị M có văn bản thỏa thuận thống nhất yêu cầu TAND Khu vực 9 - Nghệ An giải quyết vụ án. Nên TAND Khu vực 9 - Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án

nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Nguyễn Thị M kết hôn với anh Lê M T vào năm 1999 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Nay là: Xã V, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, chị M và anh T chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2001 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân chị M và anh T không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau, đã hết tình cảm với nhau nên chị M đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng đồng ý ly hôn chị M.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống hiện tại và tương lai. Nhưng giữa chị M và anh T đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi. Do đó hôn nhân giữa anh T và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh T là đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê M T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê M T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lê M T.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000844 ngày 06/10/2025 tại phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Nghệ An).

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 – Nghệ An;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Nghệ An;
- UBND xã V, tỉnh Nghệ An.
- Lưu VP

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

